

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/10/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P9+TD5+P5	7:25	5+15+0	0+0+0	0+11+4	0+0+0		
2		TTC2+TD3	7:25	11+11	0+0	8+13	0+0		
3		TD3+TD2	9:25	11+8	0+0	10+12	0+0	chuyen 1 td3-td2	
4		BK3+TD1+TD5	11:25	15+2+2	0+0+0	10+4+5	0+0+0		

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.

1/tàu chuyến 12 ng BK8 sang TD2 để về

2/ Đi về trong ngày TD5-3 ng

3/Các gian chú ý: Thẻ VT về bờ dán hành lý và phải ghi họ tên hành khách và nơi xuất phát về bờ. Không có sẽ tạm giữ lại lập danh sách vi phạm nơi quy AT bay, sẽ đề nghị trừ thưởng gian và cá nhân vi phạm



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO: TTC2 - TD3	CREW: DUONG - N.CUONG - VU	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02	VNHS FLIGHT: TM25/4200		

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	TRAN VAN HUY	TTC2	45	1	11			81	XAYLAP	Vietnamese
2	QUACH XUAN THUONG	TTC2	43-44	2	11	2	22	75	XAYLAP	Vietnamese
3	LE DINH MINH	TTC2	31-32	2	16			52	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYEN NGOC TRUONG	TTC2	25-26	2	20			56	XAYLAP	Vietnamese
5	PHAM QUANG CHUNG	TTC2	27	1	10	1	15	53	XAYLAP	Vietnamese
6	LE DANG TIEN	TTC2	34-35	2	15			63	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN HUY GIANG	TTC2	37-38	2	18			66	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYEN CONG THANH	TTC2	39	1	15			91	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAN DUY NGOC	TTC2	40-42	3	14			56	XAYLAP	Vietnamese
10	PHAM THANH NAM	TTC2	29	1	16	1	13	71	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYEN TUAN DAT	TTC2	23-24	2	14			83	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN TRUNG HOA	TD3	75	1	10			77	KHOAN	Vietnamese
13	DOAN QUANG BAC	TD3	74	1	4			70	KHOAN	Vietnamese
14	DO DUY CHINH	TD3	69	1	7			74	KHOAN	Vietnamese
15	LAI THE DAT	TD3	76-77	2	16	2	27	90	KHOAN	Vietnamese
16	BUI CONG SON	TD3	72	1	6			70	KHOAN	Vietnamese
17	LE VAN LY	TD3	68	1	9			61	KHOAN	Vietnamese
18	VU TOAN THANG	TD3	71	1	9			77	KHOAN	Vietnamese
19	NGUYEN NAM CUONG	TD3	70	1	5			85	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN VAN HUNG	TD3	67	1	5			78	KHOAN	Vietnamese
21	CAO TRONG TIEN	TD3	66	1	8			61	DMC-MI	Vietnamese
22	NGUYEN VAN HUNG	TD3	73	1	11			79	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TTC2	11	747	19	160	4	50	8		
2	TD3	11	822	12	90	2	27	13		
TOTAL		22	1.569	31	250	6	77	21		
WEIGHT KG			1.569		250		77			

GRAND TOAL: 1.896 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

BUI HOANG DUONG

PHAN NHU CUONG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P9 - TD5 - P5	CREW: LINH - NPHÚ - QTRƯỜNG	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM25/4197	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRƯỜNG QUYẾT THẮNG	P9	02	1	12			77	KH-THAC	Vietnamese
2	VÔ HỒNG QUAN	P9	72,96	2	13			83	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN GIA CUONG	P9	27	1	12	1	15	70	KH-THAC	Vietnamese
4	LÊ QUANG ĐẠO	P9	04,900	2	20			78	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN XUÂN BẠCH	P9	73	1	9	1	20	63	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐO VĂN HÙNG	TD5	70	1	10			77	KHOAN	Vietnamese
7	BAO NGUYỄN LỘC	TD5	67	1	4			59	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TẤN TÀI	TD5	69	1	5			69	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN TRỌNG ANH	TD5				4	70	72	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN LUÂN	TD5	65	1	2			61	KHOAN	Vietnamese
11	TRỊNH ANH TRƯỜNG	TD5	66	1	4			67	KHOAN	Vietnamese
12	LÊ QUỐC TRUNG	TD5	62-63	2	11			78	KHOAN	Vietnamese
13	LƯU VĂN MẠNH	TD5	71	1	4			65	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HIỀN	TD5	72	1	3			65	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN MINH HIẾU	TD5	64	1	8			82	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN TRƯỜNG THIÊN	TD5	73	1	5			83	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN VĂN THỌ	TD5	68	1	5			81	KHOAN	Vietnamese
18	ROZGON A. L.	TD5						96	D-HANH	Russian
19	NGUYỄN VĂN VŨ	TD5	61	1	8			74	D-HANH	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC LONG	TD5	60	1	15			67	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P9	5	371	7	66	2	35	1		
2	TD5	15	1.096	14	84	4	70	11		
3	P5	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		20	1.467	21	150	6	105	16		
WEIGHT KG			1.467		150		105			

GRAND TOAL: 1.722 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ HẰNG

CREW

NGÔ VĂN LINH
ĐÀO NGỌC PHÚ



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
B.CARD: XANH-2	TO: TD3 - TD2	CREW: LINH - NPHU - QTRUONG	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM25/4198	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	BUI XUAN CUONG	TD3	19	1	4			60	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYEN CAO HOANG	TD3	37-38	2	5			76	KHOAN	Vietnamese
3	VU TIEN DUNG	TD3						70	KHOAN	Vietnamese
4	ĐẶNG VĂN KHOA	TD3	40	1	12			65	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ VĂN NGHĨA	TD3	33	1	7			64	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU TRIẾT	TD3	35	1	8			69	DVL	Vietnamese
7	NGUYỄN HOANG LONG	TD3	42	1	11			67	DVL	Vietnamese
8	VÔ HỮU TÂN	TD3	36	1	13			78	DVL	Vietnamese
9	HỒ SY THANH	TD3	41	1	3			58	PSV	Vietnamese
10	LƯƠNG XUÂN ĐUỐC	TD3	39	1	4			68	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN MẠNH HÙNG	TD3	34	1	4			59	PSV	Vietnamese
12	FESENKO VADIM	TD2	01	1	5			73	VSP	Russian
13	KARAVKA IVAN	TD2	02	1	15			107	KHOAN	Russian
14	SHMAKOV ALEXANDER	TD2	600	1	8			81	KHOAN	Russian
15	PHẠM TIEN NINH	TD2						70	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH SÙNG	TD2	05	1	7	9	142	73	SEAMAP	Vietnamese
17	PHẠM NGỌC HÙNG	TD2	06	1	9			75	SEAMAP	Vietnamese
18	SEREBROV IGOR	TD2	03	1	11			78	VTB	Russian
19	SOSNIN DENIS	TD2	04	1	4			97	VTB	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	TD3	11	734	11	71	0	0	10+	1	Chuyển 01 pax từ TD3 - T
2	TD2	8	654	7	59	9	142	120		
TOTAL		19	1.388	18	130	9	142	1022		
WEIGHT KG			1.388		130		142			

GRAND TOAL: 1.660 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN MAI PHI

CREW

NGÔ VĂN LINH

ĐÀO NGỌC PHÚ

TD2 về ở khách



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/10/2025	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
B.CARD: CAM-3	TO: BK3 - TD1 - TD5	CREW: LINH - M.ĐỨC - TÚ	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 04		VNHS FLIGHT: TM25/4199	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN CAO CƯỜNG	BK3	572-573	2	14			68	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN HOÀNG TRUNG	BK3	76-78	3	17			73	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN MẠNH LINH	BK3	574-575	2	20	2	35	76	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN BÀ DUY	BK3	79-80	2	13			66	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM VĂN CHINH	BK3	70	1	15			75	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH NGÂN	BK3	74-75	2	20			66	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYỄN TRUNG CHÍNH	BK3	71	1	16			93	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM VIỆT HÙNG	BK3	95-96	2	15			65	XAYLAP	Vietnamese
9	VŨ VĂN DUẬN	BK3	98	1	15			74	XAYLAP	Vietnamese
10	LUÔNG VĂN THỨC	BK3	97	1	14			82	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ VĂN BAY	BK3	66-67	2	19			55	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN ANH PHÚC	BK3	99	1	10	1	14	75	XAYLAP	Vietnamese
13	VŨ VĂN QUYÊN	BK3	72	1	17			63	XAYLAP	Vietnamese
14	HỒ SY HÙNG	BK3	73	1	9			79	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN THĂNG	BK3	68-69	2	19			72	XAYLAP	Vietnamese
16	ALEKSEI SAMSONOV	TD1	96-97	2	18			79	KIMTHIET	Russian
17	BAZHNIKOV TIMUR	TD1	93-94	2	9			91	NIPI	Russian
18	BOIKO D.	TD1	95	1	16			112	KH-THAC	Russian
19	ĐINH VĂN HOÀI	TD5	79	1	4			59	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HẠNH	TD5	78	1	4			58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK3	15	1.082	24	233	3	49	10		
2	TD1	3	282	5	43	0	0	4		
3	TD5	2	117	2	8	0	0	5		
TOTAL		20	1.481	31	284	3	49	19		
WEIGHT KG			1.481		284		49			

GRAND TOAL: 1.814 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN PHƯƠNG ANH

CREW

NGÔ VĂN LINH
NGUYỄN MINH ĐỨC